

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 4 năm 2025.
“V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Mộc Khải, bà Huỳnh Hoa Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 402/2024/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2025/QĐST-HNGĐ 02 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ A, khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ E, khóm V, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang

Bà H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, ông M vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và ông M tự tìm hiểu, và chung sống vào năm 2001, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 469, ngày 09/9/2002. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm

sống, thường xuyên cãi vã. Nhận thấy đời sống vợ chồng không còn hòa hợp nên bà H yêu cầu ly hôn ông M. Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh năm 2001, đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 04/5/2008. Bà H yêu cầu được nuôi dạy con chung tên T1, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông M nhưng ông M vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Căn cứ biên bản xác minh khóm M, phường V thể hiện về mối quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông M có mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông M thường xuyên rượu chè, gây rối trật tự công cộng là nguyên nhân dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất hòa.

Tại phiên tòa,

- Chủ tọa phiên tòa công bố lại lời khai của nguyên đơn, bị đơn cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông M mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Hôn nhân của bà H với ông M là do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ,

thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, qua lời trình bày của bà H, con chung Minh Trí, kết quả xác minh tại nơi cư trú thể hiện vợ chồng bà H – ông M phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nguyên nhân do ông M thường xuyên uống rượu, đập phá tài sản trong gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng, hàn gắn tình cảm, nhưng ông M đều không tham gia, đến nay vợ chồng vẫn chưa thể hàn gắn và bà H cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông M. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, có kéo dài cuộc hôn nhân thì mục đích hôn nhân cũng không đạt, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H với ông M.

Con chung: Ông M – bà H có 02 con chung: Đối với con chung Nguyễn Minh T, sinh năm 2001 đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không đặt ra xem xét, giải quyết; bà H có yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Minh T1 (sinh ngày 04/5/2008), qua ghi nhận ý kiến con chung Minh T1 có nguyện vọng được sống với bà H. Do đó, giao con chung cho bà H nuôi dạy là phù hợp quy định pháp luật cũng như nguyện vọng con chung; ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Từ phân tích trên, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng M; bà H được nuôi dạy con chung Nguyễn Minh T1 (sinh ngày 04/5/2008); ông M không cấp dưỡng nuôi con.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố C. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Nguyên đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn, ông M vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hoàng M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh An Giang, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 469, ngày 09/9/2002 nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng;

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*”. Tuy nhiên, bà H trình bày do mâu thuẫn, nên khởi kiện ly hôn, xác minh tại ban khóm Mỹ T nơi vợ chồng chung sống xác định vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông M thường xuyên rượu chè, gây rối trật tự công cộng là nguyên nhân dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất hòa. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông M là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh năm 2001 (đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 04/5/2008, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cũng như nguyện vọng của con, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xét giao con chung tên Nguyễn Minh T1 cho bà H nuôi dạy và chăm sóc. Bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét trong vụ án.

Bà H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0004192 ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà H đã nộp đủ án phí. Ông M không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228, và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Nguyễn Hoàng M.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 04/5/2008 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Ông Nguyễn Hoàng M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0004192 ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà H đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Hoàng M không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hoàng M là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đức